

Số: 04/2024/QĐCNHGT-KDTM

Hồng Lĩnh, ngày 07 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 9, các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 292, 295, 296, 299, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1 và Công ty TNHH Đ.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đề ngày 29 tháng 03 năm 2024 của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

*Người khởi kiện:* Ngân hàng TMCP N. Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, thành phố N. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP N. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân H - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành; Ông Phan Tất T1 - Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1.

*Người bị kiện:* Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: Nhà ông Nguyễn Hữu P, thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh H (Nay là xã T, huyện Đ, tỉnh H). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3002105980 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2018. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1, chức vụ: Phó giám đốc (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2024).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H1, chức vụ: Phó giám đốc.

+ Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1979, số căn cước công dân: 042079003222 do Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh H.

+ Bà Phan Thị B, sinh năm 1985, số căn cước công dân: 042185004782 do Cục CSQLHC về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện

Đ, tỉnh H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị B: Ông Nguyễn Hữu H1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2022).

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 5 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 22 tháng 5 năm 2024, cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1 và Công ty TNHH Đ đã thỏa thuận, thống nhất các vấn đề sau:

1.1. Công ty TNHH Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1 số tiền cả gốc và lãi phát sinh tính đến hết ngày 21/5/2024 là 10.025.828.465 VND (Bằng chữ: Mười tỷ không trăm hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó:

+ Dư nợ gốc: 8.720.000.000 VND

+ Tổng nợ lãi cộng dồn đến ngày 21/05/2024: 973.428.383 VND

+ Lãi phạt chậm trả gốc: 332.400.082 VND

Tổng cộng gốc, lãi và lãi phạt là: 10.025.828.465 VND

1.2. Kể từ ngày 22/5/2024, Công ty TNHH Đ tiếp tục phải trả lãi vay, lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký tương ứng với thời gian, số tiền Công ty TNHH Đ chậm trả nợ và toàn bộ chi phí phát sinh cho đến khi Công ty TNHH Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Công ty TNHH Đ với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1.

1.3. Công ty TNHH Đ đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1 trước ngày 31/12/2024. Kể từ sau ngày 31/12/2024 nếu Công ty TNHH Đ không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh B1 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm các tài sản sau:

+ ) QSDĐ tại thửa đất số: 450; tờ bản đồ số 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 622504 số vào sổ cấp GCN: CT 00055 do Sở tài Nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 05 tháng 02 năm 2020 đứng tên Công ty TNHH Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6400/2020/TC/ĐHP.01 ngày 15/05/2020 giữa Công ty TNHH Đ và Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh B1.

+ ) QSDĐ tại Thửa đất số: 77; tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV 861858 số vào sổ cấp GCN: 01262/TY/CH/2015 do [UBND huyện Đ](#) cấp ngày 30 tháng 03 năm 2015 đứng tên Ông [Nguyễn Hữu H1](#) và bà [Phan Thị B](#) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 6400/2020/TC/ĐHP.NHH ngày 11/09/2020 giữa Ông [Nguyễn Hữu H1](#) và bà [Phan Thị B](#) và [Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh B1](#).

+ ) QSDĐ và TSTĐ tại thửa đất số: 602; tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV 741553 số vào sổ cấp GCN: 00984 TY/CH/2014 do [UBND huyện Đ](#) cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014, Ngày 03/11/2020: Để thừa kế cho ông [Nguyễn Hữu H1](#), CMND số 183193666, địa chỉ tại [Thôn B, Xã T, huyện Đ, tỉnh H](#), theo hồ sơ số 105 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 6400/2021/TC/ĐHP.NHH.02 ngày 19/03/2021 giữa [Công ty TNHH Đ](#) và [Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh B1](#).

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản trên đất nêu trên không đủ trả nợ gốc và lãi, lãi phạt thì [Công ty TNHH Đ](#) vẫn tiếp tục trả cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi, lãi phạt tại Vietcombank.

1.5. Về chi phí hòa giải: [Ngân hàng TMCP N](#) và [Công ty TNHH Đ](#) phải nộp chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch số tiền: 2.000.000 đồng và các bên tham gia hòa giải đã thỏa thuận mỗi bên nộp số tiền là 1.000.000 đồng, cụ thể [Ngân hàng TMCP N](#) nộp số tiền 1.000.000 đồng, Công ty TNHH [Đ](#) nộp 1.000.000 đồng. Các bên đương sự đã nộp đủ số tiền chi phí hòa giải.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Hạnh**